

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày: 25-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùy
2. Ông Lê Thế Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân H - Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021:

Lê Xuân D, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Xuân H, sinh năm 1958 và bà Phan Thị L sinh năm 1960. Bị cáo có vợ là Phan Thị S và 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019; Nhân thân: Ngày 07-6-2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” và tội “*Đưa hối lộ*” tại Bản án số 23/2019/HS-ST. Bị cáo đã kháng cáo, hiện vụ án chưa tiến hành xét xử phúc thẩm; Bị tạm giam từ ngày 29-12-2021 đến nay – Có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Xuân L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn 06, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Minh Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 06, xã E, huyện D, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua quen biết và được giới thiệu và được giới thiệu của anh Trần Văn T nên ngày 14-3-2020 Lê Xuân D đến nhà anh Lê Xuân L tại thôn 6, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Nông thuê của anh L 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, loại CARENS, BKS: 48A – 033.07 để phục vụ việc đi lại thu mua cây gỗ. Sau khi thống nhất xong thì hai bên lập hợp đồng cho thuê xe tự lái, thời hạn thuê 04 ngày, số tiền thuê xe 700 000 đồng/1 ngày. Lập hợp đồng xong thì chị Lê Thị N (vợ của D) giao giấy đăng kí xe, giấy đăng kiểm và giấy chứng nhận bảo hiểm xe cho anh D. Nhận xe và giấy tờ rồi D giao xe cho một người tên H (không rõ nhân thân lai lịch là bạn làm ăn chung với D) điều khiển xe chở D và một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn gái của H) chạy xe đến tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai xem và tìm cây gỗ. Sau khi xem xong, H và bạn gái H ở lại tỉnh Bình Dương đồng thời H thuê cho D một người lái xe tên Q (không rõ nhân thân lai lịch) để chở D đi Đắk Lắk xem cây, khi đến thành phố F thì cả hai nghỉ tại đây. Lúc này, H gọi điện cho D nói D góp tiền chung với H để thu mua gỗ cây xà cừ. Do không có tiền nên D đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe BKS: 48A – 033.07 lấy tiền góp vốn chung. Khi này, D gọi điện cho anh Mạc Lý S để nhờ anh S giới thiệu chỗ cầm cố chiếc xe.

Thông qua giới thiệu của anh S, ngày 16-3-2020 D đưa xe tô BKS: 48A-033.07 đến cầm cố cho anh Trần Minh Q lấy tổng số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn cầm cố trong vòng 30 ngày. Khi nhận được tiền D đưa Quý 55.000.000 đồng để Q đi về tỉnh Bình Dương đưa cho H góp vốn làm ăn, số tiền còn lại D sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

Hết thời hạn thuê xe, anh L liên lạc với D yêu cầu D mang xe về trả thì D đưa ra thông tin xin gia hạn thêm thời hạn thuê xe. Sau nhiều lần D hứa hẹn trả cho anh L nhưng không có khả năng chuộc xe nên D đã tắt điện thoại bỏ trốn. Ngày 30/6/2020 anh L gửi đơn tố cáo đến Công an huyện Đắk R'Lấp. Ngày 24/8/2020 cơ quan CSĐT công an huyện Đắk R'Lấp khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh truy nã đối với Lê Xuân D. Ngày 29/12/2020 D bị bắt tại xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai theo quyết định truy nã. Quá trình điều tra, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KLHĐĐG ngày 13/8/2020 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: Giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại CARENS, sản xuất năm 2010, BKS: 48A – 033.07, tại thời điểm chiếm đoạt là 209.600.000 đồng.

Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 25-3-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp

để xét xử Lê Xuân D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Lê Xuân D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các tình tiết buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Xuân D phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Xuân D từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản anh Lê Xuân L không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xử lý.

Bị cáo Lê Xuân D chấp nhận trả số tiền 80.000.000đồng cho anh Trần Minh Q là phù hợp cần chấp nhận.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R’Lấp ra quyết định xử lý vật chứng số 38 ngày 25-9-2020 trả lại xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại CARENS, BKS: 48A – 033.07 (số khung: RNYFG52A2AC010708, số máy: G4FCAH60905, đã qua sử dụng) cùng với giấy chứng nhận đăng ký, sổ đăng kiểm và bảo hiểm của xe là tài sản của anh Lê Xuân L là chủ sở hữu tài sản hợp pháp.

Lưu hồ sơ 01 hợp đồng thuê xe tự lái thể hiện người thuê xe Lê Xuân D; 01 giấy cầm cố xe thể hiện người cầm cố xe là Lê Xuân D trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Xuân D không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk R’Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Ngày 14-3-2020 Lê Xuân D làm hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia, loại CARENS, BKS: 48A – 033.07 của anh Lê Xuân L để đi tìm mua cây gỗ, do không có tiền nên ngày 16-3-2020 Lê Xuân D nảy sinh ý định mang xe đi cầm cố cho anh Trần Minh Q với số tiền 80.000.000 đồng để góp vốn và tiêu sài cá nhân. Sau đó, hết thời hạn thuê xe do không có khả năng chuộc lại nên D đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KLHĐĐG ngày 13/8/2020 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: Giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại CARENS, sản xuất năm 2010, BKS: 48A – 033.07, tại thời điểm chiếm đoạt là 209.600.000 đồng.

Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

“Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

...”

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ một hành vi chiếm đoạt trái phép nào cùng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân cộng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3]. *Tình tiết định khung hình phạt*: Do bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị 209.660.000đồng nên hành vi của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[4]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. *Việc trách nhiệm dân sự*: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và anh Trần Minh Q. Bị cáo Lê Xuân D có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Minh Q số tiền 80.000.000đồng; Bị hại anh Lê Xuân L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. *Việc xử lý vật chứng*:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp ra quyết định xử lý vật chứng số 38 trả lại xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại CARENS, BKS: 48A – 033.07 (số khung: RNYFG52A2AC010708, số máy: G4FCAH60905, đã qua sử dụng) cùng với giấy chứng nhận đăng ký, sổ đăng kiểm và bảo hiểm của xe là tài sản của anh Lê Xuân L là chủ sở hữu tài sản hợp pháp là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 01 hợp đồng thuê xe tự lái thể hiện người thuê xe Lê Xuân D; 01 giấy cầm cố xe thể hiện người cầm cố xe là Lê Xuân D là tài liệu kèm theo vụ án, cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ, không tiêu hủy.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt là có căn cứ và đúng pháp luật cần chấp nhận.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo Lê Xuân D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Xuân D** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tài sản*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Xuân D** 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-12-2020.

2. Việc trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Xuân D có nghĩa vụ bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh Q số tiền 80.000.000đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R’Lấp ra quyết định xử lý vật chứng số 38 ngày 25-9-2020 trả lại xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại CARENS, BKS: 48A – 033.07 (số khung: RNYFG52A2AC010708, số máy: G4FCAH60905, đã qua sử dụng) cùng với giấy chứng nhận đăng ký, sổ đăng kiểm và bảo hiểm của xe là tài sản của anh Lê Xuân L là chủ sở hữu tài sản hợp pháp.

Lưu hồ sơ 01 hợp đồng thuê xe tự lái thể hiện người thuê xe Lê Xuân D; 01 giấy cầm cố xe thể hiện người cầm cố xe là Lê Xuân D (toàn bộ là bản gốc) theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Xuân D phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CA huyện huyện Đắk R'Lấp;
- THADS huyện D;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh